**MỤC LỤC**

[DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT/BẢNG BIỂU 3](#_Toc50974527)

[LỜI CẢM ƠN 4](#_Toc50974528)

[I. TÓM TẮT 5](#_Toc50974529)

[II. GIỚI THIỆU CHUNG 5](#_Toc50974530)

[1. Giới thiệu về EITI và đề án thí điểm EITI Quảng Trị 5](#_Toc50974531)

[1.1. EITI và thí điểm EITI tại Quảng Trị 5](#_Toc50974532)

[1.2. Cấu trúc báo cáo 7](#_Toc50974533)

[2. Phương pháp và hạn chế của quá trình thí điểm EITI 7](#_Toc50974534)

[2.1. Phương pháp 7](#_Toc50974535)

[2.2. Hạn chế, thách thức của thí điểm EITI 8](#_Toc50974536)

[3. Quy định pháp luật liên quan ngành khai khoáng 8](#_Toc50974537)

[3.1. Quy định về tài chính 8](#_Toc50974538)

[3.2. Quy định về công khai, minh bạch 8](#_Toc50974539)

[3.3. Quy định về bảo vệ môi trường 9](#_Toc50974540)

[4. Tóm lược về ngành khai khoáng tại Quảng Trị 9](#_Toc50974541)

[4.1. Quy hoạch 9](#_Toc50974542)

[4.2. Số mỏ 10](#_Toc50974543)

[4.3. Cấp phép 10](#_Toc50974544)

[III. PHÁT HIỆN CHÍNH 10](#_Toc50974545)

[1. Kết quả khai thác khoáng sản năm 2019 10](#_Toc50974546)

[1.1. Kết quả đối chiếu theo giấy phép 10](#_Toc50974547)

[1.2. Theo loại khoáng sản: Đá làm vật liệu xây dựng, cát sỏi, vàng, titan, cát trắng. 11](#_Toc50974548)

[2. Kết quả thu ngân sách từ hoạt động khai thác khoáng sản 11](#_Toc50974549)

[2.1. Khác biệt về kết quả thu ngân sách từ hoạt động khai khoáng của các cơ quan quản lý 12](#_Toc50974550)

[2.2. So sánh số liệu nộp ngân sách từ doanh nghiệp - thu ngân sách từ Cục thuế và Sở TN&MT 14](#_Toc50974551)

[2.3. So sánh sản lượng khai thác thực tế từ doanh nghiệp - kết quả thu/nộp ngân sách từ Sở TN&MT và doanh nghiệp 18](#_Toc50974552)

[2.4. Phân bổ nguồn thu từ phí Bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản 19](#_Toc50974553)

[III. KẾT LUẬN 20](#_Toc50974554)

[1. Thuận lợi 20](#_Toc50974555)

[2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân 21](#_Toc50974556)

[IV. KHUYẾN NGHỊ 23](#_Toc50974557)

[1. Đối với các nhà tài trợ và Trung tâm Phát triển và Hội nhập 23](#_Toc50974558)

[2. Đối với HĐND tỉnh 23](#_Toc50974559)

[3. Đối với UBND tỉnh 23](#_Toc50974560)

[4. Đối với Cục thuế tỉnh 24](#_Toc50974561)

[5. Đối với Sở TNMT 24](#_Toc50974562)

[6. Đối với các doanh nghiệp trực tiếp tham gia khai thác khoáng sản 24](#_Toc50974563)

[Phụ lục 1. Tóm tắt các quy định pháp luật về công khai, minh bạch trong lĩnh vực khai khoáng 25](#_Toc50974564)

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT/BẢNG BIỂU

|  |  |
| --- | --- |
| Thuế giá trị gia tăng | VAT/GTGT |
| Bảo vệ môi trường | BVMT |
| Doanh nghiệp | DN |
| Sáng kiến minh bạch trong khai khoáng (Extractive Industry Transparency Initiative) | EITI |
| Hội đồng nhân dân | HĐND |
| Quản lý Nhà nước | QLNN |
| Thu nhập doanh nghiệp: TNDN | TNDN |
| Tài nguyên & Môi trường | TN&MT |
| Ủy ban nhân dân | UBND |

# LỜI CẢM ƠN

Hội đồng tư vấn giám sát thí điểm thực hiện sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng - EITI tỉnh Quảng Trị được thành lập để giám sát thực hiện minh bạch trong hoạt động công nghiệp khai khoáng trên địa bàn tỉnh.

Quá trình xây dựng mục tiêu, nội dung giám sát thông qua tổ chức các hội nghị tham vấn thống nhất của hệ thống 03 cơ quan: Cơ quan dân cử HĐND, thực hiện chức năng giám sát; cơ quan điều hành là các đơn vị thuộc UBND, thực hiện chức năng quản lý nhà nước; cơ quan thực hiện là các doanh nghiệp đã tạo sự bình đẳng, dân chủ, công khai minh bạch trong xây dựng mục tiêu và thực hiện sáng kiến.

Đến nay, sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng - EITI tỉnh Quảng Trị đã hoàn chỉnh báo cáo trên cơ sở thực hiện các bước theo quy trình đã xây dựng, thông tin thu thập được cơ bản đầy đủ (7 biểu mẫu, từ biểu mẫu số 1 đến biểu số 7). Hội đồng tư vấn giám sát thí điểm thực hiện sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng - EITI tỉnh Quảng Trị xin cám ơn nhà tài trợ, cám ơn các sở, ngành, địa phương, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp đã phối hợp thực hiện.

Từ kết quả sáng kiến, chúng tôi sẽ kiến nghị với HĐND tỉnh chỉ đạo, thực hiện công khai minh bạch trong khai khoáng, công khai minh bạch trong thu và sử dụng nguồn thu từ khai khoáng nhằm đem lại hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên tiết kiệm, có hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

**I. TÓM TẮT**

Báo cáo được kết cấu gồm 5 mục. Mục I là tổng quan của báo cáo, khái quát lại toàn bộ báo cáo. Mục II khái quá trình hình thành Hội đồng tư vấn giám sát thí điểm thực hiện sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng - EITI; tổ chức các hội thảo 03 cơ quan: Cơ quan dân cử HĐND, thực hiện chức năng giám sát; cơ quan điều hành là các đơn vị thuộc UBND, thực hiện chức năng quản lý nhà nước; cơ quan thực hiện là các doanh nghiệp để thống nhất xây dựng khung giám sát, biểu mẫu thu thập thông tin; các tài liệu viện dẫn liên quan đến khung giám sát; phương pháp giám sát và các thách thức. Mục III là phát hiện chính thông qua thu thập thông tin, tổng hợp thông tin, xử lý thông tin rời rạc từ các doanh nghiệp, từ sở TNMT, sở Tài chính, Cục thuế tỉnh. Đối chiếu theo quan hệ ngang, dọc phát hiện những vấn đề thiếu đồng bộ. Mục IV đưa ra 03 kết luận và Mục V đưa ra các khuyến nghị với cơ quan Hội đồng nhân dân tỉnh.

**II. GIỚI THIỆU CHUN****G**

**1. Giới thiệu về EITI và đề án thí điểm EITI Quảng Trị**

**1.1. EITI và thí điểm EITI tại Quảng Trị**

Sáng kiến minh bạch trong ngành công nghiệp khai khoáng (EITI - Extractive Industries Transparency Initiative) là tiêu chuẩn toàn cầu nhằm thúc đẩy tính minh bạch nguồn thu và trách nhiệm trong ngành khai thác khoáng sản. Sáng kiến này có phương pháp luận chặt chẽ nhưng linh hoạt nhằm theo dõi và đối chiếu các khoản thanh toán của công ty và nguồn thu chính phủ ở cấp quốc gia. Quá trình thực hiện EITI được giám sát bởi các thành viên từ chính phủ, các công ty và các tổ chức xã hội. Sáng kiến EITI được cựu Thủ tướng Anh Tony Blair giới thiệu vào năm 2002.

Năm 2011, nguyên tắc EITI chỉ tập trung vào công khai các khoản thu từ các doanh nghiệp khai khoáng và doanh nghiệp công khai các khoản nộp cho Chính phủ. Đến năm 2013, Bộ tiêu chuẩn EITI được mở rộng ra toàn bộ chuỗi giá trị của công nghiệp khai thác khoáng sản. Bộ tiêu chuẩn EITI tiếp tục được hoàn thiện vào năm 2019 với những điều chỉnh nhằm giúp cho các chính phủ linh hoạt hơn về yêu cầu đối với ưu tiên của mỗi quốc gia.

Đến năm 2019, có hơn 52 quốc gia đã áp dụng, bao gồm những quốc gia phát triển như Anh, Na Uy… Hơn 80 công ty dầu khí và khoáng sản hàng đầu thế giới, hơn 90 tổ chức tài chính và hơn 400 tổ chức xã hội khác trên thế giới ủng hộ và tham gia EITI. Indonesia, Đông Timor, Philipines và Myanmar là các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á tham gia EITI[[1]](#footnote-2).

Đối với Việt Nam, ngành công nghiệp khai khoáng từng có thời kỳ phát triển nhanh chóng và đóng góp lớn cho nền kinh tế chung của Việt Nam. Tuy nhiên, những bất cập trong quản trị ngành công nghiệp này và hậu quả để lại về xã hội, môi trường và kinh tế đang đặt ra nhiều thách thức cho Việt Nam. Những vấn đề này yêu cầu cần có cách thức quản trị ngành tốt hơn theo hướng minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình. Sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng (EITI) là một trong những sáng kiến quản trị hiệu quả.

Sáng kiến EITI được giới thiệu tại Việt Nam từ năm 2005, với việc Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Chính phủ trong năm 2016 về Đề án tham gia Sáng kiến minh bạch hóa ngành công nghiệp khai khoáng (EITI) theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 22/07/2016 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020 nhưng đến nay vẫn chưa được thực hiện.

Tại Quảng Trị, dự án “Tăng cường giám sát thực thi chính sách bảo vệ môi trường trong lĩnh vực khai thác khoáng sản” được triển khai thực hiện kể ngày 01 tháng 04 năm 2017 đến nay và đã dần nâng cao chất lượng và tăng cường thực thi chính sách thông qua việc tổ chức các tọa đàm, tập huấn giới thiệu các quy định bảo vệ quyền lợi người dân và công khai thông tin tại các tỉnh có hoạt động khai khoáng; theo dõi, giám sát quá trình thu - chi các nguồn thu từ khai khoáng; các hoạt động nâng cao năng lực cho các tổ chức xã hội thông qua việc tổ chức tập huấn cho đại diện chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và cộng đồng cấp xã/huyện và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; đối thoại giữa người dân, doanh nghiệp và chính quyền về các vấn đề phân bổ nguồn thu trong khai khoáng để tăng cường tiến nói của người dân.

Đề án thí điểm EITI tại Quảng Trị được Ban quản lý dự án BTAP trực thuộc Thường trực HĐND tỉnh Quảng Trị nghiên cứu, hình thành, xây dựng ý tưởng từ cuối tháng 3 năm 2019, đến ngày 04/10/2019, Thường trực HĐND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 286/QĐ-HĐND thành lập Hội đồng tư vấn giám sát thí điểm thực hiện sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khi khoáng - EITI, ngay sau khi thành lập, Hội đồng (EITI) đã họp, phân công nhiệm vụ; thông qua kế hoạch hoạt động; xây dựng hệ thống biểu mẫu thu thập thông tin; hội thảo, lấy ý kiến để hoàn chỉnh hệ thống biểu mẫu; triển khai thu thập thông tin; xử lý thông tin; xây dựng báo cáo sáng kiến minh bạch trong khai khoáng. Với mục tiệu tạo cơ chế tổng hợp, đối chiếu dữ liệu; là nơi đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp trao đổi, tham gia quá trình thực thi sáng kiến góp phần hạn chế thất thu ngân sách trong khai thác khoáng sản; thúc đẩy quá trình giám sát - đối thoại giữa các cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước có liên quan nhằm tăng cường sự hiểu biết và lòng tin giữa các bên. Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu về cấp phép, giám sát sản xuất, thu thuế, phân bổ nguồn thu, quản lý chi tiêu; hỗ trợ chia sẻ thông tin và tăng cường phối hợp trong quản lý ngành khai thác khoáng sản; kênh thông tin hữu ích trong việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản phù hợp trong tương lai. Thực hiện đúng các quy định về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước và quản trị trong quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Đến ngày 24 tháng 12 năm 2019, Hội đồng tư vấn giám sát EITI ban hành đề án, quy trình, biểu mẫu thí điểm thực hiện sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng - EITI tại tỉnh Quảng Trị. Bắt đầu từ tháng 2/2020, Hội đồng tư vấn giám sát tiến hành thu thập số liệu phục vụ công tác đánh giá các hoạt động thu thuế, phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản năm 2019 trên địa bàn tỉnh đối với các sở ngành, địa phương, doanh nghiệp có liên quan. Tổ chức một đợt giám sát tình hình quản lý, thực hiện thủ tục môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, đối chiếu số liệu và khảo sát tại 14 doanh nghiệp trực tiếp tham gia khai thác khoáng sản, phục vụ kỳ họp thứ 16 HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VII. Theo dự kiến báo cáo sẽ được hoàn chỉnh và nghiệm thu vào cuối tháng 3 năm 2020, nhưng do diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, phải 2 lần thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn tỉnh; do vậy đến cuối tháng 8 năm 2020 mới hoàn chỉnh dự thảo báo cáo.

**1.2. Cấu trúc báo cáo**

Báo cáo có 5 phần chính, mô tả lại quá trình nghiên cứu, hình thành và xây dựng ý tưởng đến quá trình thu thập, phân tích, xử lý số liệu, viết báo cáo. Nội dung sáng kiến minh bạch trong khai khoáng được tập trung vào các vấn đề trọng tâm gồm: Công khai quy hoạch và kế hoạch khai khoáng; công khai thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp môi trường của các cấp chính quyền địa phương, cơ sở; công khai các khoản thu nộp và sử dụng nguồn kinh phí liên quan đến khai khoáng; những vấn đề cần trao đổi qua kết quả thực hiện Dự án.

**2. Phương pháp và hạn chế của quá trình thí điểm EITI**

**2.1. Phương pháp**

Sử dụng phương pháp thống kê và phân tích dữ liệu từ hoạt động khai khoáng của một bên là các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước như Sở TN&MT, Tài chính, chính quyền địa phương, cơ quan thuế và một bên là các doanh nghiệp khai khoáng.

**2.2. Hạn chế, thách thức của thí điểm EITI**

Sự tham gia của các bên liên quan: Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước như Sở TNMT, Tài chính, chính quyền địa phương, cơ quan thuế và một bên là 14 doanh nghiệp khai khoáng chưa thực sự hiểu sâu về bản chất của đề án. Vì vậy, một số cơ quan, đơn vị không cung cấp thông tin; cung cấp không kịp thời hoặc không đầy đủ; thông tin không được cập nhật có hệ thống; thông tin rời rạc, độ tin cậy không cao.

Tính toàn diện của thông tin công khai: thông tin thu thập được chỉ phản ánh một số giai đoạn của chuỗi giá trị khai khoáng, bao gồm khai thác, sản xuất, chế biến, nộp ngân sách và phân bổ phí BVMT.

Mục tiêu của đề án là thí điểm, khuyến khích, phát hiện nên chưa có chế tài xử lý các đơn vị không tham gia hoặc chỉ tham gia mang tính đối phó.

**3. Quy định pháp luật liên quan ngành khai khoáng**

**3.1. Quy định về tài chính**

Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về tài chính đối với hoạt động khai khoáng là các khoản thu nộp về ngân sách bao gồm thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường; ngoài ra có các khoản đóng nộp khác theo Luật doanh nghiệp, các luật khác có liên quan. Để kịp thời chấn chỉnh các hoạt động khoáng sản ngày 24 tháng 3 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 36/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản có hiệu lực ngày 10/5/2020 thay thế  Nghị định số [33/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-33-2017-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-tai-nguyen-nuoc-khoang-san-315840.aspx) ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; HĐND tỉnh Quảng Trị ban hành Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về mức thu phí BVMT khai thác khoáng sản Quản lý thu và phân bổ chi phí BVMT khai thác khoáng sản theo quy định Nghị định 164/2016/NĐ-CP ngày 22/12/2016 của Chính phủ. Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định thu phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh.

**3.2. Quy định về công khai, minh bạch**

Hàng năm việc xây dựng dự toán, giao dự toán ngân sách được thực hiện công khai, minh bạch theo quy định theo Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Khoáng sản, Luật tiếp cận thông tin (Chi tiết xem Phụ lục 1). Mới đây, Chính phủ kịp thời ban hành quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông (theo Nghị định 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ).

**3.3. Quy định về bảo vệ môi trường**

Công tác xây dựng, ban hành các chiến lược, kế hoạch, chính sách về bảo vệ môi trường của địa phương đã được chú trọng. Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đã được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú đem lại hiệu quả thiết thực trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Thời gian thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường được rút ngắn so với quy định. Công tác kiểm tra, hướng dẫn xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi cơ sở đi vào hoạt động chính thức thực hiện khá nghiêm túc. Công tác bảo vệ môi trường tại các lưu vực sông luôn được chú trọng. Việc ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường được quan tâm.

**4. Tóm lược về ngành khai khoáng tại Quảng Trị**

**4.1. Quy hoạch**

Chính quyền địa phương các cấp đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan chuyên ngành, địa phương có liên quan thực hiện đúng trình tự, thủ tục, quy trình trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, thăm dò, khai thác khoáng sản và hoạt động tập kết bến bãi kinh doanh cát, sỏi trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với công tác quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch hoạt động khoáng sản được thực hiện trên cơ sở kết quả khảo sát đánh giá tài nguyên khoáng sản của các đơn vị; các Sở Công Thương, Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Xây dựng đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030; bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản hàng năm; trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành nghị quyết Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030 (Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016). Căn cứ vào nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 để triển khai thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030 và xây dựng kế hoạch, phân công các cơ quan chuyên môn, tham mưu triển khai thực hiện*.*Cụ thể:

Quy hoạch *khai thác, sử dụng cát sỏi* đến năm 2020 với diện tích 177 ha; trữ lượng 5.553 ngàn khối. Có 04 tiêu chí quy hoạch, gồm: Quy mô; công nghệ; chất lượng; môi trường.

Quy hoạch *thăm dò* khai thác, sử dụng cát sỏi đến năm 2020 với diện tích 215 ha; trữ lượng 7.502 ngàn khối;

Quy hoạch khai thác, sử dụng đá làm vật liệu thông thường diện tích 338 ha, trữ lượng 94.076 ngàn khối.

Quy hoạch *thăm dò*, khai thác, sử dụng đá làm vật liệu thông thường diện tích 470 ha, trữ lượng 209.923 ngàn khối.

Quy hoạch khai thác, sử dụng sét diện tích 38 ha, trữ lượng 1.064 ngàn khối.

**4.2. Số mỏ**

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị khá phong phú các chủng loại khoáng sản, nhưng trữ lượng không lớn và chất lượng không cao. Chúng được phân bố trên khắp lãnh thổ của tỉnh. Theo kết quả điều tra năm 2016 cơ bản địa chất về khoáng sản ở tỷ lệ 1/50.000, các kết quả đã và đang thăm dò khoáng sản cho thấy trên địa bàn tỉnh có khoảng 220 mỏ, khu mỏ khoáng sản và điểm quặng thuộc các loại khoáng sản kim loại, khoáng chất công nghiệp, vật liệu xây dựng và nước khoáng - nước nóng; quy mô các loại khoáng sản nói chung không lớn (so với phân loại mỏ theo quy mô trữ lượng của Việt Nam và thế giới).

**4.3. Cấp phép**

Công tác khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ: Trình Bộ Tài nguyên & Môi trường khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đối với 04 điểm mỏ *(01 vàng gốc, 02 titan, 01 quặng sắt).* Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản: Tại thời điểm giám sát (6/2020), trên địa bàn tỉnh có 27 đơn vị khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng có giấy phép đang còn hiệu lực, phân bố rải rác khắp các địa phương của tỉnh; trong đó có 21 đơn vị khai thác vật liệu xây dựng, 01 đơn vị khai thác cát trắng, 01 đơn vị khai thác vàng và 04 đơn vị khai thác titan.

**III. PHÁT HIỆN CHÍNH**

**1. Kết quả khai thác khoáng sản năm 2019**

Đã được Cục thuế tỉnh báo cáo tại biểu số 1, số 2; Sở Tài chính báo cáo tại biểu số 3, số 51, 53; Hội đồng tư vấn tổng hợp từ 10 huyện, thị xã, thành phố biểu số 4; 14 doanh nghiệp có doanh thu năm 2019 đối với hoạt động khai thác khoáng sản biểu số 5; Sở Tài nguyên & Môi trường biểu số 6 và 7 *(đính kèm phụ lục).*

**1.1. Kết quả đối chiếu theo giấy phép**

Theo số liệu báo cáo số 1124/STNMT-KS của Sở TNMT, hiện nay còn 27 giấy phép còn hiệu lực của ... doanh nghiệp, nhưng đến hết năm 2019 chỉ có 14/27 doanh nghiệp có hoạt động thực tế (trong đó có Công ty CP khoáng sản Quảng Trị hoạt động 02 giấy phép) và có kê khai sản lượng. Những doanh nghiệp không kê khai tại Sở TNMT gồm: CTTNHHXNK khoáng sản Duy Tân; CTCP Việt Ren; CTCP khoáng sản Hưng Phát; CTCP gạch ngói Quảng Trị; CTTNHHMTV Đồng Tiến; CTTNHH Mai Hoàng; CTTNHHMTV 565 Đông Hà; CTTNHH Hải Sơn; CTTNHH Hiếu Giang (2GP); CTCP đầu tư Sài Gòn; CTCP Sông Nhùng; HTXSXVLXD Đakrông.

Báo cáo của ngành Thuế cho thấy trong 27 doanh nghiệp kê khai nộp thuế chỉ có 13 doanh nghiệp có kê khai với Sở TNMT; 4 doanh nghiệp có trong danh sách của Sở TNMT nhưng không có trong danh sách của ngành thuế gồm: Công ty TNHH Thống Nhất, CTTNHH Xây dựng số 9, CTTNHHMTV Sơn Dũng, CTTNHHMTV số 1 Thành Thành Công.

Kết quả này cho thấy có sự khác biệt về số giấy phép khai khoáng còn hiệu lực giữa báo cáo của Sở TN&MT và Cục thuế tỉnh. Điều này đặt ra yêu cầu cần đánh giá thêm về việc phối hợp về quản lý nhà nước trong giám sát hoạt động của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản.

**1.2. Theo loại khoáng sản: Đá làm vật liệu xây dựng, cát sỏi, vàng, titan, cát trắng.**

Bảng 1: Tổng hợp kết quả khai thác khoáng sản năm 2019 của các doanh nghiệp khai thác khoảng sản trên địa bàn Quảng Trị

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại khoáng sản** | **Công suất cấp phép** | **Công suất khai thác thực tế năm 2019** | **Tỷ lệ khai thác thực tế/công suất cấp phép (%)** | **Khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm** |
| Đá VLXD | 614.920 | 471.324 | 76,64 | 961.878 |
| Cát Sỏi | 213.000 | 109.207 | 51,27 | 105.829 |
| Vàng | 10.000 | Không hoạt động |  |  |
| Titan | 11.555 | Không hoạt động |  |  |
| Cát trắng | 1.033.412 | 584.410 | 56,55 | 397.948 |

(Phụ lục chi tiết: Bảng đối chiếu sản lượng cấp phép theo giấy phép và sản lượng khai thác thực tế 2019 của Cục thuế và Sở TN&MT)

**2. Kết quả thu ngân sách từ hoạt động khai thác khoáng sản**

**2.1. Khác biệt về kết quả thu ngân sách từ hoạt động khai khoáng của các cơ quan quản lý**

Theo số liệu báo cáo từ Sở TN&MT, Sở Tài chính, Cục Thuế và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh được tổng hợp theo theo sắc thuế/phí, mức thu phù hợp với quy định hiện hành đối với từng loại khoáng sản; các địa phương thực hiện chung một quy định của UBND tỉnh. Tuy nhiên, so sánh số liệu báo cáo từ các đơn vị nêu trên cho thấy **có sự khác nhau giữa số liệu thu ngân sách nhà nước từ lĩnh vực khoáng sản của 3 đơn vị. Tổng thu ngân sách nhà nước từ khoáng sản theo số liệu của Cục thuế là 56.547.362 triệu đồng, trong khi số liệu của Sở Tài chính là 40.458 triệu đồng và của Sở TNMT là 79.042.30 triệu đồng** (Xem Bảng 2).

Số liệu thu ngân sách của 3 đơn vị chi tiết của theo sắc thuế và phí cũng khác nhau do mỗi cơ quan có chức năng khác nhau nên thu thập số liệu khác nhau. Sở Tài chính phân chia và theo dõi được số liệu chi tiết về thuế tài nguyên, phí BVMT trong khai thác khoáng sản và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, số liệu của Cục thuế tỉnh theo dõi là đầy đủ nhất để theo dõi được các khoản thu ngân sách nhà nước.

Báo cáo số 1124/STNMT-KS ngày 24/4/2020 của Sở TNMT về việc cung cấp số liệu phục vụ công tác đánh giá các hoạt động thu thuế, phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản năm 2019 cho thấy có thu ngân sách nhà nước từ thuế xuất khẩu, trong khi số liệu của Cục thuế cho thấy Quảng Trị không có nguồn thu từ thuế xuất khẩu khoáng sản.

Mỗi doanh nghiệp đều phải đóng các khoản thuế bắt buộc theo Luật Thuế, tuy nhiên doanh nghiệp trong lĩnh vực khai khoáng và doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng, trong đó có khai khoáng thì việc tách bạch số liệu thống kê chỉ là tương đối, chẳng hạn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT các doanh nghiệp đều nộp nhưng không tách toán đâu là khoản thu trong lĩnh vực khai khoáng. Do vậy, đây cũng là một trong những nguyên nhân của sai khác về số liệu thu ngân sách nhà nước từ các doanh nghiệp khai thác khoảng sản khác nhau giữa các đơn vị.

 Một số doanh nghiệp khai báo thuế không chính xác, nhất là các doanh nghiệp nộp thuế khoán doanh thu.

**Bảng 2: Kết quả thu ngân sách nhà nước từ hoạt động khai thác khoáng sản năm 2019 theo đơn vị**

**ĐVT: triệu đồng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung các****sắc thuế/ phí** | **Sở tài chính[[2]](#footnote-3)** | **Số liệu từ Sở TNMT[[3]](#footnote-4)**  | **Cục thuế[[4]](#footnote-5)** |
| **Số phải thu** | **Số thực thu** |
| **1. Thu từ thuế** |  **21.781.000**  |  **64.476.700** | **37.789.901** | **39.382.88** |
| Thuế giá trị gia tăng |  | 22.654.000 |  17.188.588  |  15.714.425  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp |  | 4.710.20 |  5.784.842 |  8.007.056  |
| Thuế tài nguyên | 21.781.000 |  |  14.812.059  |  15.647.785  |
| Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp |  | 434.50 |  2.207 |  13.614  |
| Thuế xuất khẩu |  | 36.878.00 |  -  |  |
| **2. Thu từ phí, thu khác** |  **18.677** |  **14.365.60** |  **17.174,417**  | **17.164.482**  |
| Tiền cấp quyền khai thác khoảng sản |  10.041.000 | 6.481.60 |  9.360.876  | 9.452.876 |
| Phí BVMT với hoạt động khai thác khoáng sản |  8.593.000[[5]](#footnote-6) |  7.884.00 |  6.607,372 | 6.541.437 |
| Thu từ đầu tư vốn |  |  | 180.000 | 180.000 |
| Thu khác | 430.000 |  |  1.026.169 | 990.169 |
| **Tổng** |  **40.845.000**  |  **79.042.302** |  **54.964,317**  | **56.547.362** |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Báo cáo của Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh và Sở TN&MT tỉnh Quảng Trị*

Theo số liệu của Cục thuế tỉnh, thực thu ngân sách từ khoáng sản là56.547.362 triệu đồng, trong khi số liệu cần phải thu là 54.964.317 triệu đồng, chênh lệch 1.583.045 triệu đồng. Theo Biểu 02 thì chênh lệch giữa số phải thu và thực thu ngân sách là 2,364.234 triệu đồng.

Số liệu báo cáo từ Cục thuế tỉnh chưa chỉ ra được lý do **của số liệu thực thu ngân sách từ khoáng sản năm 2019 cao hơn số phải thu**. Cụ thể, thực thu ngân sách từ thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên và thuế sử dụng đất phi nông nghiêp lần lượt là 8.007.056 triệu đồng; 15.647,785 triệu đồng và 13.614,000 triệu đồng. Trong khi số phải thu của 3 sắc thuế này tương ứng với 5.784,842 triệu đồng; 14.812,059 triệu đồng và 2.207 triệu đồng. Các doanh nghiệp có số thực nộp ngân sách nhiều hơn số phải thu như Công ty TNHH Minh Hưng, Công ty cổ phần khoáng sản Quảng Trị, Công ty cổ phần Tân Hưng, công ty cổ phần đầu tư và khoáng sản VICO Quảng Trị, công ty cổ phần khoáng sản Hiếu Giang. Nếu số liệu này là chính xác thì cần phải ghi nhận nỗ lực của Cục thuế tỉnh trong việc thu đúng, thu đủ các loại thuế và phí.

Số liệu Báo cáo của Cục thuế tỉnh **chưa phản ánh số nợ đọng** thuế giá trị gia tăng của Công ty TNHH Hải Sơn; nợ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của công ty cổ phần khoáng sản Hiếu Giang; nợ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân chế biến nông lâm sản sản xuất khẩu đường 9; nợ tiền phí BVMT trong khai thác khoáng sản của HTX SXVLXD &KTCS Như Lệ. Tổng số tiền nợ đọng của doanh nghiệp chưa được phản ánh trong báo cáo của Cục thuế là 112,857 triệu đồng.

Số liệu của Cục thuế tỉnh cũng cho thấy **có mẫu thuẫn về số liệu phải thu, thực thu và nợ đọng** các loại thuế và phí của một số các doanh nghiệp khai thác khoáng sản. Cụ thể, công ty TNHH Hải Sơn (thuế tài nguyên); công ty cổ phần Thiên Phú (thuế VAT); công ty cổ phần XD-GT TT Huế tại Quảng Trị - Xí nghiệp gạch Tuynel Hải Lăng (Thuế VAT, thuế tài nguyên và phí BVMT trong khai thác khoáng sản); công ty cổ phần Sông Nhùng (phí BVMT trong khai thác khoáng sản).

### 2.2. So sánh số liệu nộp ngân sách từ doanh nghiệp - thu ngân sách từ Cục thuế và Sở TN&MT

Kết quả tổng hợp số liệu của Cục thuế, Sở TN&MT về số thu ngân sách từ không thống nhất với số liệu nộp ngân các doanh nghiệp khai thác khoáng sản (Bảng 3).

14 trên tổng số 15 doanh nghiệp có số liệu nộp ngân sách nhà nước cao hơn so với số liệu của Cục thuế và số liệu của Sở TN&MT. Sự sai khác về số liệu có thể do cách tính toán và phân loại không thống nhất giữa doanh nghiệp, Cục thuế và Sở TN&MT theo chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan. Điều này cho thấy cần phải có nghiên cứu, kiểm tra lại các biểu mẫu thu thập thông tin hoặc có hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị về biểu mẫu.

Bảng 3. So sánh số nộp ngân sách từ doanh nghiệp - thu ngân sách từ Cục thuế và Sở TN&MT.

**Đơn vị tính: 1000 đồng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên doanh nghiệp** | **Cục thuế** | **Số TNMT** | **DN báo cáo** |
| 1 | Công ty TNHH Minh Hưng | 2.716.000 | 1.435.000 | 2.482.738 |
| 2 | Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị |  | 57.000 | 776.544 |
| 3 | Công ty cổ phần Tân Hưng | 2.824.000 | 3.679.000 |  |
| 4 | Công ty cổ phần khoáng sản Quảng Trị[[6]](#footnote-7) | 6.976.000 | 16.297.000 | 17.308.735 |
| 5 | Công ty cổ phần Thiên Tân | 15.786.000 | 11.879.000 | 20.897.000 |
| 6 | Công ty CP ĐT và KS Vico Quảng Trị | 12.732.000 | 30.601.000 | 36.754.694 |
| 7 | Công ty CP khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị | 264.000 |  | 240.445 |
| 8 | Công ty TNHH MTV Nguyên Hà | 484.106 | 567.600 | 923.497 |
| 9 | Công ty TNHH MTV Phúc Lan Quảng Trị | 29.274 | 60.000 | 89.273 |
| 10 | Công ty TNHH Nguyên Đức Hà | 36.000 | 11.837.902 | 219.119 |
| 11 | Công ty CP Thiên Phú | 361.303 | 2.424.000 | 686.578 |
| 12 | Công ty TNHH MTV số 1 Thành Thành Công |  | 430.000 | 1.241.400 |
| 13 | Công ty Cổ phần Sông Nhùng | 31.594 |  | 141.792 |
| 14 | Công ty cổ phần xây dựng giao thông Quảng Trị |  | 462.100 | 1.908.030 |
| 15 | DNTN Chế biến Nông lâm sản xuất khẩu đường 9 | 1.313.116 | 668.300 | 1.243.564 |

So sánh số liệu thu – nộp ngân sách thuế tài nguyên và phí BVMT trong khai thác khoảng sản của 12 doanh nghiệp (Bảng 4) cũng cho thấy có sự sai khác giữa số liệu của Cục thuế và số liệu do doanh nghiệp cung cấp. Các công ty có sự chênh lệch ở mục thuế tài nguyên củaCông ty cổ phần khoáng sản Quảng Trị, công ty TNHH Nguyên Đức Hà, công ty cổ phần Thiên Phú, và công ty cổ phần Sông Nhùng.

Báo cáo của Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị, Công ty TNHH MTV Phúc Lan Quảng Trị, Công ty cổ phần Thiên Tân và Công ty cổ phần khoáng sản Quảng Trị còn nợ thuế tài nguyên hoặc phí BVMT. Trong khi số liệu của các doanh nghiệp này trong báo cáo của Cục thuế không còn nợ thuế tài nguyên và phí BVMT.

Như vậy, kết quả EITI cho thấy có sự sai khác lớn về thông tin số liệu về thu - nộp ngân sách giữa Cục thuế tỉnh, Sở TN&MT và các doanh nghiệp. Để kiểm tra tính chính xác của dữ liệu của các đơn vị và tìm hiểu nguyên nhân sai khác của số liệu giữa các đơn vị, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm thu thập, kiểm tra dữ liệu về thu – nộp ngân sách của các doanh nghiệp một cách chính xác, các biểu mẫu có sự kết nối giữa các ngành, địa phương và doanh nghiệp, cần có sự tham gia của chuyên gia độc lập



Bảng 4: Đối chiếu giữa số liệu thu – nộp ngân sách thuế tài nguyên và phí BVMT của doanh nghiệp và Cục thuế

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của Cục thuế và doanh nghiệp

### 2.3. So sánh sản lượng khai thác thực tế từ doanh nghiệp - kết quả thu/nộp ngân sách từ Sở TN&MT và doanh nghiệp

Bảng 5. Tổng hợp số liệu sản lượng khai thác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên doanh nghiệp** | **Trữ lượng được phép khai thác** | **Số TN&MT** | **DN báo cáo** |
| 1 | Công ty TNHH Minh Hưng |  | *30.000m3* | *54.000m3* |
| 2 | Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị |  | *16.517m3* | *16.517m3* |
| 3 | Công ty cổ phần Tân Hưng |  | *49.943m3* |  |
| 4 | Công ty cổ phần khoáng sản Quảng Trị |  | *24.921m3* | *24.921m3* |
| 5 | Công ty cổ phần Thiên Tân |  | *160.197m3* | *160.196,8m3* |
| 6 | Công ty CP ĐT và KS Vico Quảng Trị |  | *196.199 tấn* | *196.199,33m3* |
| 7 | Công ty TNHH MTV Nguyên Hà |  | *19.090m3* | *19.095m3* |
| 8 | Công ty TNHH MTV Phúc Lan Quảng Trị |  | *4.025m3* | *4.025m3* |
| 9 | Công ty TNHH Nguyên Đức Hà |  | *2.806m3* | *2.806m3* |
| 10 | Công ty CP Thiên Phú |  | *15.435m3* | *15.435m3* |
| 11 | Công ty TNHH MTV số 1 Thành Thành Công |  | *28.954m3* | *28.954m3* |
| 12 | Công ty Cổ phần Sông Nhùng |  |  | *3.349m3* |
| 13 | Công ty cổ phần xây dựng giao thông Quảng Trị |  | *33.653m3* | *28.014,5m3* |
| 14 | DNTN Chế biến Nông lâm sản xuất khẩu đường 9 |  | *34.431m3* | *34.464m3* |

Đánh giá chung: Sản lượng khai thác thực tế từ doanh nghiệp - kết quả thu/nộp ngân sách từ báo cáo của Sở TN&MT và doanh nghiệp có sự trùng khớp nhau, số chênh lệch được xác định do thời điểm báo cáo.

**2.4. Phân bổ nguồn thu từ phí Bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản**

Theo số liệu của Sở Tài chính, số thu ngân sách từ phí BVMT khai thác khoáng sản 8.593 triệu đồng (ngân sách tỉnh quản lý thu 6.126 triệu đồng, ngân sách huyện 2.467 triệu đồng). Số liệu của Cục thuế báo cáo là 6.541,437 triệu đồng (Tỉnh quản lý thu 5.933 triệu đồng, huyện quản lý thu 608,437 triệu đồng).

Theo số liệu tổng hợp từ các huyện, số thu phí BVMT khai thác khoáng sản các huyện báo cáo là 2.397,082 triệu đồng, chênh lệch 69,918 triệu đồng so với số liệu báo cáo của Sở Tài chính.

Hình thức thu phí BVMT cũng khác nhau giữa các huyện. Huyện thì phí BVMT được nộp trực tiếp cho cơ quan thuế. Có huyện thì ủy quyền để UBND xã thu hộ như huyện Triệu Phong, bên cạnh việc UBND xã được hưởng tỷ lệ phần % từ phí BVMT thu hộ, thì một trong những mục tiêu quan trọng của hình thức này là huy động được sự tham gia giám sát chủ động của chính quyền địa phương đối với hoạt động khai thác khoáng sản của doanh nghiệp. Tránh thất thu thuế và phí từ hoạt động khai thác của các doanh nghiệp.

Việc hạch toán nguồn thu từ phí BVMT chưa tách bạch với thuế khai thác khoáng sản; một phần do một số doanh nghiệp kinh doanh nhiều hàng hóa dịch vụ khác nhau.

Bảng 6: Thu - chi phí BVMT theo huyện năm 2019

**ĐVT: Triệu đồng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị****hành chính** | **Thu Phí BVMT** | **Chi từ nguồn thu phí BVMT** | **Trong đó** |
| **Chi Sự nghiệp BVMT** | **Chi cho các dự án khắc phục môi trường do khai thác khoáng sản** |
| Vĩnh Linh | 39,009 | 39,009 | 39,009 |  |
| Gio Linh | 430,300 | 129,090 | 129,090 |  |
| Triệu Phong | 678,000 | 678,000 | 678,000 |  |
| TP. Đông Hà | 0.00 | 0.00 |  |  |
| TX Quảng Trị | 277,500 | 280,000 |  | 280,000 |
| Hải Lăng | 357,270 | 357,270 | 357,270 |  |
| Hướng Hóa | 276,822 | 300,000 | 300,000 |  |
| Đakrông | 78,072 | 452,056 | 452,056 |  |
| Cam Lộ | 260,109 | 284,700 | 24,590 | 260,110 |
| **Tổng** | **2,397,082** | **2,520,125** | **1,980,015** | **540,110** |

*Nguồn: Tổng hợp số liệu báo cáo từ các huyện*

Chi từ hoạt động QLNN và chi sự nghiệp từ nguồn phí BVMT và các nguồn cân đối khác của các huyện là 2.520,125 triệu đồng (cao hơn hơn số thu từ phí BVMT khai thác khoáng sản là là 123,043 triệu đồng).

Trong cơ cấu chi, Bảng 6 cho thấy, các huyện phần lớn sử dụng nguồn thu từ phí BVMT và các nguồn cân đối chỉ chi cho hoạt động quản lý nhà nước, chiếm 78,56% cơ cấu chi (1.980,015/2.520,125 triệu đồng), chưa dành nguồn thu cân đối từ phí BVMT cho đầu tư cho hoạt động theo quy định (Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu với môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản; khắc phục suy thoái môi trường do khai thác khoáng sản; giữ gìn vệ sinh, tái tạo cảnh quan môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản)

Chỉ riêng huyện Cam Lộ chi đầu tư cải tạo, sửa chữa bãi rác tập trung huyện Cam Lộ là 260,11 /284,7 triệu đồng). Thị xã Quảng Trị chi hoạt động chỉnh trang nông thôn tại xã Hải Lệ 200 triệu đồng và 80 triệu đồng hỗ trợ công tác BVMT xã Hải Lệ trong tổng chi 280 triệu đồng. Các huyện còn lại chỉ chi hoạt động quản lý nhà nước và chi sự nghiêp môi trường; chưa bố trí rõ nguồn nguồn thu thừ phí BVMT để chi đầu tư khắc phục, phục hồi môi trường cho từng công trình, dự án cụ thể.

**III. KẾT LUẬN**

**1. Thuận lợi**

Chính phủ, chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn các cấp thường xuyên cập nhật, điều chỉnh và thực thi kịp thời khi có chính sách mới ban hành. UBND tỉnh chủ động ban hành quyết định quy định tạm thời giá tính thuế tài nguyên làm cơ sở thu thuế tài nguyên khi chưa có sự thống nhất do phát sinh mâu thuẩn trong cách tính giá của Trung ương và điều kiện thực tiễn của địa phương; đã phân cấp, ủy quyền thực hiện công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn.

Công tác xây dựng, ban hành các chiến lược, kế hoạch, chính sách về bảo vệ môi trường của địa phương đã được chú trọng. Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đã được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú đem lại hiệu quả thiết thực trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Hội đồng tư vấn giám sát thí điểm thực hiện sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng - EITI tỉnh Quảng Trị diễn ra khá thuận lợi, được các cơ quan chuyên môn *(Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp)*, chính quyền địa phương và cộng đồng doanh nghiệp có hoạt động khai thác khoáng sản quan tâm ủng hộ, cung cấp thông tin kịp thời, khá đầy đủ theo yêu cầu nhằm phục vụ tốt hơn việc giám sát thực hiện minh bạch trong công nghiệp khai khoáng trên địa bàn tỉnh.

Qua kiến nghị của Ban quản lý dự án BTAP, Hội đồng tư vấn EITI, Ban kinh tế - ngân sách sau các đợt giám sát, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 về việc bãi bỏ Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý, khai thác đất làm vật liệu san lấp công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Nội dung, quy trình, phương pháp thực hiện khá đơn giản, biểu mẫu dễ hiểu, dễ cung cấp thông tin.

**2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân**

Các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, khoáng sản thay đổi thường xuyên, một số điểm còn chồng chéo nên phần nào ảnh hưởng đến công tác tổ chức thẩm định, phê duyệt, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện của các cơ sở khai thác khoáng sản.

Chưa có hệ thống kết nối chung, làm đầu mối giữa các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan thuế nên theo dõi số liệu thu về thuế khai khoáng và phí BVMT khai thác khoáng sản giữa các cơ quan quản lý nhà nước chưa thống nhất.

Báo cáo của một số doanh nghiệp khai thác khoáng sản chưa kịp thời, không đầy đủ thông tin. Nhiều nội dung của biểu mẫu không có thông tin.

Hạch toán các khoản thu - chi từ nguồn thu phí BVMT đối với hoạt động khai thác khoáng sản chưa cân đối được nhiệm vụ chi cho công tác đầu tư các công trình bảo vệ môi trường; chủ yếu các địa phương bố trí chi cho nhiệm vụ quản lý nhà nước. Do tổng nguồn thu phí BVMT trên địa bàn tỉnh thấp.

Hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn thời gian qua đã làm thay đổi hiện trạng, ô nhiễm nguồn nước, bụi, tiếng ồn, dẫn đến ô nhiễm môi trường cục bộ một số nơi. Công nghệ khai thác khoáng sản còn thô sơ, nhất là khai thác đá. Một số trường hợp còn nợ tiền cấp quyền khai thác, tiền quỹ phục hồi, cải tạo môi trường hoặc chây ì việc nộp tiền cấp tiền khai thác khoáng sản.

Ý thức của một số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về bảo vệ môi trường hoạt động khai thác khoáng sản chưa cao; một số đơn vị thực hiện quan trắc môi trường chưa đúng quy định. Do đó việc theo dõi, giám sát chưa được thường xuyên, liên tục; việc ký quỹ còn chậm trễ.

Do thời gian xây dựng đề án thí điểm thực hiện sáng kiến minh bạch trong công nghiệp khai khoáng - EITI tỉnh Quảng Trị quá ngắn, trong quá trình triển khai thu thập, khảo sát, phân tích, đánh giá thông tin chưa tạo sự kết nối giữa các thành viên, việc phân công giữa các thành viên trong Hội đồng tư vấn giám sát nhưng trách nhiệm mỗi thành viên chưa cao.

Trong quá trình thu thập phân tích báo cáo trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung diễn ra dịch bệnh COVID-19 hết sức phức tạp, tại tỉnh thực hiện 2 đợt giản cách xã hội. Do vậy, làm gián đoạn việc thu thập thông tin, phân tích đánh giá số liệu, làm chậm trể quá trình viết báo cáo, chất lượng báo cáo.

**IV. KHUYẾN NGHỊ**

**1. Đối với các nhà tài trợ và Trung tâm Phát triển và Hội nhập**

Tiếp tục vận động các nhà tài trợ hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật để hoàn chỉnh đề án, quy trình và hệ thống biểu mẫu (Từ tháng 9/2020 - 3/2021). Sau đó, tiếp tục thu thập thông tin, phân tích thông tin, viết báo cáo từ năm 2021, 2022, 2023, 2024, tiến hành tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đề án vào năm 2025.

**2. Đối với HĐND tỉnh**

Đưa vào nội dung chương trình kỳ họp HĐND tỉnh để xem xét điều chỉnh quy định thu phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính; sớm điều chỉnh tỷ lệ để lại, nộp ngân sách đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm đảm bảo chất lượng cho công tác thẩm định.

Tăng cường giám sát công tác quản lý nhà nước và kết quả thực hiện thủ tục môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

**3. Đối với UBND tỉnh**

Quản lý thu và phân bôn bổ chi phí BVMT khai thác khoáng sản theo quy định Nghị định 164/2016/NĐ-CP ngày 22/12/2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về mức thu phí BVMT khai thác khoáng sản.

Hạch toán tách bạch rõ nguồn thu phí BVMT khai thác khoáng sản với nguồn thu từ thuế khai khoáng. Bố trí rõ nguồn thu từ phí để cân đối chi cho công trình, nhiệm vụ khắc phục môi trường cụ thể, thay vì chi nhiệm vụ quản lý nhà nước

Định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Chỉ đạo rà soát điều chỉnh trình HĐND tỉnh quy định thu phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh theo quy định của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chỉ đạo các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn; tiếp tục đôn đốc, xử lý nghiêm các đơn vị nợ tiền cấp quyền khai thác, tiền quỹ phục hồi, cải tạo môi trường theo quy định của pháp luật; phát hiện các vi phạm và kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

Chỉ đạo Cục thuế tỉnh, Sở TN&MT kiểm tra lại toàn bộ dữ liệu của các đơn vị để phát hiện nguyên nhân sai khác của số liệu giữa các đơn vị, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm thu thập, kiểm tra dữ liệu về thu - nộp ngân sách của các doanh nghiệp một cách chính xác, các biểu mẫu có sự kết nối giữa các ngành, địa phương và doanh nghiệp.

**4. Đối với Cục thuế tỉnh**

Kiểm tra và cập nhật thông tin về các doạnh nghiệp khoáng sản có nộp thuế nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo của Cục thuế, gồm có Công ty TNHH Thống nhất, CTTNHH số 9, CTTNHHMTV Sơn Dũng, CTTNHHMTV số 1 Thành Thành công.

Kiểm tra lại số liệu về nợ đọng các thuế của một số doanh nghiệp. Bao gồm cả số **chưa phản ánh số nợ đọng** trong báo cáo của Cục và báo cáo của doanh nghiệp Công ty TNHH Hải Sơn; Công ty cổ phần khoáng sản Hiếu Giang; Doanh nghiệp tư nhân chế biến nông lâm sản sản xuất khẩu đường 9; HTX SXVLXD &KTCS Như Lệ; Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị; Công ty TNHH MTV Phúc Lan Quảng Trị; Công ty cổ phần Thiên Tân và Công ty cổ phần khoáng sản Quảng Trị.

**5. Đối với Sở TN&MT**

Phối hợp chặt chẽ với Cục thuế tỉnh để kiểm tra, giám sát việc nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản.

Phối hợp với Cục thuế tỉnh thống nhất hệ thống các biểu mẫu theo dõi và giám sát việc thu - nộp ngân sách của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản.

**6. Đối với các doanh nghiệp trực tiếp tham gia khai thác khoáng sản**

Tích cực phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin theo biểu mẫu, nâng cao hơn nữa ý thức bảo vệ môi trường hoạt động khai thác khoáng sản; thường xuyên thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và báo cáo kết quả quan trắc về cơ quan chuyên môn theo quy định; thực hiện việc ký quỹ theo quy định./.

# Phụ lục 1. Tóm tắt các quy định pháp luật về công khai, minh bạch trong lĩnh vực khai khoáng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Danh mục tài liệu công khai** | **Tiêu chuẩn EITI** | **Căn cứ/quy định pháp luật (đối với tài liệu bắt buộc)** | **Cơ quan chịu trách nhiệm công khai** | **Quy định về thời gian công khai** |
| **Bắt buộc** | **Khuyến khích** |
| Văn bản quy phạm pháp luật | X |  | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Tất cả (thông qua công báo và Cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia) | 15 ngày kể từ khi ban hành |
| Quy hoạch khoáng sản | X |  | Luật Khoáng sảnLuật Dầu khí | BTNMT, BCT, BXD, UBND cấp tỉnh | 30 ngày kể từ khi ban hành |
| Khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, khu vực khoáng sản phân tán nhỏ lẻ, khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản | X |  | Luật Khoáng sản | BTNMT, UBND cấp tỉnh | 30 ngày kể từ khi ban hành |
| Khoanh định khu vực không đấu giá | X |  | Luật Khoáng sản | BTNMT, UBND cấp tỉnh | 30 ngày kể từ khi khoanh định |
| Kế hoạch đấu giá, thư mời tham gia đấu giá | X |  | Nghị định 22/2012/NĐ-CP | BTNMT, UBND cấp tỉnh | Theo kế hoạch đấu giá |
| Hồ sơ đầu tiên xin cấp phép tại khu vực không đấu giá | X |  | Nghị định 158/2016/NĐ-CP | BTNMT, UBND cấp tỉnh | 1 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ |
| Kết quả đấu giá | X |  | Nghị định 22/2012/NĐ-CP | BTNMT, UBND cấp tỉnh | 5 ngày kể từ khi có kết quả |
| Danh sách giấy phép khoáng sản đã cấp với một số nội dung cơ bản | X |  | Luật Khoáng sản | BTNMT, UBND cấp tỉnh | Hàng năm |
| Danh sách chủ sở hữu doanh nghiệp |  | X | Luật Doanh nghiệp | Cơ quan đăng ký kinh doanh | 5 ngày kể từ khi có thay đổi |
| Cơ chế quản lý DNNN, kết quả hoạt động kinh doanh của DNNN | X |  | Luật Doanh nghiệp, Luật quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp | Cục Phát triển doanh nghiệp | Hàng năm |
| Báo cáo kết quả thăm dò khai thác, xuất khẩu khoáng sản, dầu khí | X |  | Luật Khoáng sảnLuật Dầu khí | Doanh nghiệp khoáng sản, dầu khí | Hàng năm |
| Báo cáo hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh và toàn quốc | X |  | Luật Khoáng sản | BTNMT, UBND cấp tỉnh | Hàng năm |
| Báo cáo hoạt động dầu khí toàn quốc | X |  | Luật Dầu khí | BCT | Hàng năm |
| Bảng kê nộp ngân sách của mỗi doanh nghiệp khoáng sản | X |  | Luật Khoáng sản hoặc Luật Quản lý thuế | Các doanh nghiệp khoáng sản | Hàng năm |
| Bảng kê thu ngân sách của các doanh nghiệp khoáng sản | X |  | Luật Ngân sách nhà nước | Cơ quan thuế | Hàng năm |
| Các cam kết của doanh nghiệp trong quá trình đầu tư |  | X | Luật Đầu tư | UBND cấp tỉnh | 30 ngày sau khi cấp phép đầu tư |
| Báo cáo sử dụng tiền thu được từ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản |  | X | Nghị định 164/2018/NĐ-CP | UBND cấp tỉnh | Hàng năm |
| Thống kê đóng góp của ngành khai khoáng | X |  | Luật Thống kê | Tổng cục thống kê | Hàng năm |

1. <https://eiti.org/countries> [↑](#footnote-ref-2)
2. Báo cáo số 713/STC-QLNS ngày 13/3/2020 về việc báo cáo số liệu phục vụ đánh giá hoạt động khia thác khoáng sản năm 2019 [↑](#footnote-ref-3)
3. Báo cáo số 1124/STNMT-KS ngày 24/4/2020 về việc cung cấp số liệu phục vụ công tác đánh giá các hoạt động thu thuế, phí đối với hoạt động khai thác khoáng sản năm 2019 [↑](#footnote-ref-4)
4. Sử dụng thông tin từ Phiếu 01- Chi tiết các khoản thu của các doanh nghiệp khoáng sản [↑](#footnote-ref-5)
5. Bao gồm cả phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản [↑](#footnote-ref-6)
6. Công ty cần kiểm tra và xác nhận lại số tiền nộp thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp: Có số phải nộp = số còn nợ, trong khi có thực nộp [↑](#footnote-ref-7)